

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HSST
Ngày 06-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thế Dũng

2. Bà Cao Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/HSST ngày 02 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Trần D** (Tên gọi khác: Tép), sinh ngày 13 tháng 01 năm 1993, tại: Gia Lai. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 8, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Xuân Ng, sinh năm 1953 và bà: Trần Thị S, sinh năm 1957. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án (Bản án số: 211/2011/HSST ngày 25-7-2011 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt Ngô Trần D 13 năm tù về tội: “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-11-2019 đến ngày 20-11-2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 20-11-2019 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Thái Minh T, sinh năm 2003. Địa chỉ: Số 41 đường P, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người đại diện hợp pháp của anh Thái Minh T:

Chị Thái Thu D1, sinh năm 1990. Địa chỉ: : Số 41 đường P, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người chứng kiến:*

Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 10-11-2019, tại: Nhà số 41 đường P, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Ngô Trần D bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy – Công an thành phố Pleiku phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên tay của D 01 gói nylon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và thu giữ của D 01 điện thoại di động Iphone màu Xám – Đen cùng sim có dãy số 8401.1812.1233.8417.

Tại Kết luận giám định số: 678/KLGD ngày 18-11-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai kết luận về đối tượng giám định: “Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01(một) gói nylon trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 1,3739gam”.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Trần D đã khai nhận:

Bị cáo Ngô Trần D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo thừa nhận là người sử dụng ma túy; loại ma túy mà bị cáo sử dụng là Methamphetamine. Trong thời gian sử dụng ma túy, D biết được đối tượng tên Đặng là người bán ma túy tại đường Lê Đại Hành, gần khu vực Nhà nghỉ Hưng Long thuộc địa bàn phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 10-11-2019, D đón xe thò của một người đàn ông để đi từ Tổ 8, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku đến đường Lê Đại Hành, thành phố Pleiku để tìm Đặng mua ma túy để sử dụng. Khi đến gần khu vực Nhà nghỉ Hưng Long, D xuống xe đi tìm và gặp Đặng. D đã mua của Đặng 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000đồng. Sau khi có ma túy, D đón xe thò của một người đàn ông để đi về nhà Thái Minh T tại: Số 41 đường P, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để chơi. Bị cáo với T là bạn bè quen biết ngoài xã hội. T không biết bị cáo mang theo ma túy.

Bị cáo D không có ý kiến hay khiếu nại gì về: **Biên bản phạm tội quả tang ngày 10-11-2019, Biên bản niêm phong ngày 11-11-2019;** Kết luận giám định số: 678/KLGD ngày 18-11-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

Bị cáo D không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng nam thanh niên tên Đặng là người đã bán ma túy cho bị cáo. Bị cáo trao đổi trực tiếp với Đặng trong việc mua bán ma túy; chiếc điện thoại di động Iphone màu Xám – Đen bị thu giữ là tài sản của bị cáo.

Trong quá điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Thái Minh T trình bày:

Anh Thái Minh T với bị cáo D là bạn bè quen biết ngoài xã hội từ tháng 9-2019. Nhà số 41 đường P, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai là nhà của anh T đang quản lý và sử dụng. Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 10-11-2019, khi anh T đang ở phòng ngủ trên tầng 1 của căn nhà số 41 đường P thì nghe có tiếng động lạ nên đi xuống xem thì thấy Ngô Trần D bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy – Công an thành phố Pleiku phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên tay của D 01 gói nilon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng.

Trong quá điều tra, người chứng kiến là ông Nguyễn Tiến S tình bày:

Vào khoảng 23 giờ ngày 10-11-2019, ông S được mời căn nhà số 41 đường P để chứng kiến về việc lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và chứng kiến việc niêm phong chất nghi là ma túy thu giữ của Ngô Trần D. Ông S đã nghe D khai mua ma túy tại đường Lê Đại Hành với giá là 1.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 28-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai để xét xử đối với bị cáo Ngô Trần D, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Ngô Trần D và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Trần D mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 11-11-2019; hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn dán kín ghi số: 678/PC09 ngày 18-11-2019, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Trả lại cho bị cáo Ngô Trần D 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone mà Xám – Đen kèm sim số.

Bị cáo Ngô Trần D tự bào chữa:

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Ngô Trần D nói lời nói sau cùng:

Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc niêm phong vật chứng có vi phạm về trình tự, thủ tục niêm phong vật chứng theo quy định tại Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16-11-2017 của Chính Phủ nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo nên Viện kiểm sát và Tòa án không trả hồ sơ để điều tra bổ sung về nội dung này.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Trần D tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và lời khai của người chứng kiến; phù hợp với các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bị cáo Ngô Trần D đã thực hiện hành vi như sau:

Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 10-11-2019, tại: Nhà số Số 41 đường P, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Ngô Trần D đang cầm trên tay 01 gói nilon bên trong có chứa ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 1,3739gam thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy – Công an thành phố Pleiku phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo Ngô Trần D hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của mình, bị cáo đã cố ý mua ma túy nêu trên để sử dụng. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Ngô Trần D đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Ngô Trần D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Ngô Trần D có nhân thân xấu, đã bị xử phạt 13 năm tù về tội: “Giết người”. Ngày 12-6-2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt và trở về địa phương.

Đến ngày 10-11-2019, bị cáo tiếp tục phạm tội. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo tại bản án trước đây không có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Mặt khác, loại ma túy mà bị cáo tàng trữ là loại Methamphetamine (Ma túy đá) là loại ma túy gây ra nhiều ảo giác, dẫn đến loạn hành vi và ảnh hưởng tới sức khỏe người dùng, đồng thời là nguyên nhân phát sinh của nhiều tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản; phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chất ma túy còn lại sau giám định là loại đựng trong bì công văn dán kín ghi số: 678/PC09 ngày 18-11-2019, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone mà Xám – Đen thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo tài sản này.

[8] Bị cáo D không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng nam thanh niên tên Đặng là người đã bán ma túy cho bị cáo nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku chưa có cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của người này. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku tiếp tục điều tra xử lý vụ việc bán ma túy này theo quy định của pháp luật.

Đối với Thái Minh T không biết việc D mua ma túy rồi mang theo trong người đi vào nhà của T. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không xử lý đối với T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí:

Bị cáo Ngô Trần D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Trần D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Trần D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 11-11-2019.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn dán kín ghi số: 678/PC09 ngày 18-11-2019, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Trần D 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone mà Xám – Đen kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03-3-2020 giữa: Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku)

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Ngô Trần D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Công an TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Công an TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phan Công Tồn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) (4) và (9) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi rõ tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu,

quân chủng thì ghi rõ tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Số: 16/2016/HSST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân).

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi rõ tên Viện kiểm sát nào tham gia phiên tòa tương tự hướng dẫn tại (1).

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án hình sự sơ thẩm (ví dụ: Số 12/2016/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2016).

(12) ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) nếu đưa pháp nhân thương mại ra xét xử thì ghi tên pháp nhân thương mại, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(16) sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân)

(18) (19) (20) (21) (22) (23) (24) (25) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trong trường hợp người bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người chưa thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng

mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(26) nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(27) Trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) Trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(30) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)